

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG MÃ
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/HNGĐ-ST
Ngày 06 tháng 4 năm 2018
V/v : Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG MÃ, TỈNH SƠN LA

- Với thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Bá Toàn

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Quàng Văn Tiễn
2. Bà Lương Thị Khuyển

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:

Ông Đèo Văn Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, Sơn La.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa:

Ông Trần Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 93/2018/TLST- HNGĐ ngày 22/5/2017 về việc Xin ly hôn. Theo quyết định xét xử số 10/2018/QĐST-ST ngày 19/3/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị H, sinh năm 1989; Trú tại: Bản H, xã M, huyện M, tỉnh Sơn La.

2. Bị đơn: Anh Quàng Văn B, sinh năm 1990; Trú tại: Bản N, xã M, huyện S, tỉnh Sơn La.

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, và bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án chị Lò Thị H trình bày: Chị và anh Quàng Văn B tự nguyện kết hôn vào tháng 12/2011, đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện M, tỉnh Sơn La, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với bố mẹ anh B tại bản N, xã M, huyện S, tỉnh Sơn La. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do bất đồng quan điểm sống, anh B không chăm lo cuộc sống gia đình và thường xuyên bỏ đi không quan tâm đến vợ con,

mặc dù vợ và gia đình đã khuyên giải nhưng không có kết quả. Sau khi sinh con chị đã về bố mẹ đẻ ở bản H, xã M, huyện M từ tháng 7/2012 cho đến nay, cũng từ đó chị và anh B sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Chị xác nhận tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có một con chung là Quảng Đức H, sinh 15/7/2012, nếu ly hôn chị xin được nuôi con và không yêu cầu anh B cấp dưỡng.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản nghị lời khai ngày 28/3/2018 anh Quảng Văn B trình bày: Anh nhất trí với lời khai của chị H về ngày tháng đăng ký kết hôn, về mâu thuẫn, anh cũng xác nhận trong thời gian anh bỏ nhà đi anh đã vi phạm pháp luật và phải đi cải tạo, khi chấp hành xong hình phạt tù anh không về nhà mà đi làm ăn xa, nay chị H có đơn xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh B xác nhận có một con chung là Quảng Đức H, sinh 15/7/2012, nếu ly hôn anh đồng ý để chị H trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, giáo dục.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán, thư ký đã tuân theo pháp luật tố tụng; quá trình xét xử Hội đồng xét xử đã tuân thủ quy định của Luật tố tụng về các thủ tục. Các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật từ thời điểm thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa. Đối với việc nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin giải quyết vắng mặt, việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên chấp nhận theo quy định khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Lò Thị H được ly hôn anh Quảng Văn B, giao cháu Quảng Đức H cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, giáo dục.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền, về tố tụng: Nguyên đơn chị Lò Thị H hiện sinh sống tại bản H, xã M, huyện M, tỉnh Sơn La, bị đơn anh Quảng Văn B sinh sống tại bản N, xã M, huyện S, tỉnh Sơn La do vậy vụ án do Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La thụ lý, giải quyết là đảm bảo quy định tại các Điều 28, 35

và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, việc Tòa án đưa vụ án ra xét xử là đảm bảo theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị H và anh Quảng Văn B kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Mường Bú, huyện Mường La, tỉnh Sơn La vào 12/2011, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Lò Thị H và anh Quảng Văn B là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh chị đã sống ly thân từ 7/2012 cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Xét thấy tình trạng hôn nhân của anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, sống ly thân đã lâu, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, đời sống chung không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân để xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được. Việc quyết định cho anh chị ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình

[3] Về con chung: Tại các tài liệu có trong hồ sơ anh chị thống nhất giao con Quảng Đức H, sinh ngày 15/7/2012 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị, việc thống nhất của chị H và anh B là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội nên cần chấp nhận.

[4] Về tài sản: Các đương sự đều khai nhận vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt vấn đề giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Lò Thị H là nguyên đơn nên chị phải chịu toàn bộ án phí xin ly hôn.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35 khoản 4 Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 14 và Điều 53; 81,82 và 83 Luật hôn nhân gia đình 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lò Thị H đối với anh Quảng Văn B.

Chị Lò Thị H được ly hôn anh Quảng Văn B.

2. Về con chung: Giao cháu Quàng Đức H sinh ngày 15/7/2012 cho chị Lò Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Anh Quàng Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị H nhưng được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; các đương sự quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Các đương sự đều khai nhận vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt vấn đề giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lò Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số AA/2013/03987 ngày 22 tháng 5 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Chị Lò Thị H đã nộp đủ án phí.

Các đương có quyền kháng cáo trọng hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Toà án ND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- CCTHADS huyện;
- UBND xã Mường Bú, Mường La;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Bá Toàn